

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-PT

Ngày 15 - 02-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lam;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà;

Ông Hoàng Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bảo Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ an: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 26/9/2022; 07, 15/02/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLPT- DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 87/2022 /QĐPT- DS ngày 07 tháng 9 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2023/QĐ-PT ngày 17/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hữu L- Công tác tại Văn phòng L2- Đoàn luật sư tỉnh N. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tố O, sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: Làng Đ, xã H, huyện H, tỉnh Nghệ An.

Giấy ủy quyền lập ngày 21/3/2022 tại Văn phòng C.

Địa chỉ số B đường L, phường T, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, đường C, khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền cho chị Nguyễn Thị M: Ông Hồ Văn N, sinh năm

1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Khố T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Hợp đồng ủy quyền ngày 22/4/2021 tại Văn phòng C1; Địa chỉ: Khố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

3. Những người làm chứng:

- Chị Phạm Thị Thùy T; Sinh năm 1989

Địa chỉ: K. Phương Hà Huy T1, thành phố V, tỉnh Nghệ An
(Vắng mặt).

- Chị Trần Thị D; Sinh năm 1984: Địa chỉ nơi làm việc: 125 Đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Hồ Văn N đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, vụ án được tóm tắt như sau:

1. Đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2021, quá trình tố tụng giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thống nhất trình bày và yêu cầu:

Ngày 10/3/2021, chị Phạm Thị Thùy T là đồng nghiệp của chị Nguyễn Thị H cùng công tác tại Ngân Hàng T4 - Chi nhánh V (viết tắt là O1.CNVINH) giới thiệu chị M vay của chị H số tiền 800.000.000đ để đảo khế ngân hàng, sau khi tìm hiểu chị M đủ điều kiện để vay lại nên chị H đồng ý cho chị M vay số tiền trên để chị M đảo khế vay trước đó. Sau khi ký giấy vay tiền và toàn bộ hồ sơ vay vốn tại ngân hàng, hai bên thỏa thuận chị M phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc cho chị H là 800.000.000đ trước ngày 11/03/2021, nhưng sau khi vay tiền của chị H để trả nợ Ngân hàng xong thì chị M không vay lại Ngân hàng để trả cho chị H, mặc dù trước đó đã ký kết “Hợp đồng cho vay” số 0107/2021-HĐCV/OCEANBANK.CNVINH ngày 11/03/2021 và Giấy nhận nợ số 0107/2021-GNN/OCEANBANK.CNVINH ngày 11/03/2021 với Ngân Hàng để vay lại số tiền 800.000.000đ. Chị H đã nhiều lần đề nghị chị M trả lại số tiền trên cho chị H nhưng chị M không hợp tác, trì hoãn không trả nợ. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M phải trả toàn bộ số tiền gốc 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc 800.000.000đ tính từ ngày 12/3/2021 với lãi suất 9%/ năm, tương đương 0.75 %/tháng, tương đương 0,025%/ ngày; tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/4/2022 là 13 tháng 10 ngày, tổng số tiền lãi là 80.087.761đ.

Tổng cộng cả gốc và lãi chị H yêu cầu chị M phải trả là 880.087.761đ.

2. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và bị đơn trình bày và đề nghị:

Ý kiến của đại diện theo ủy quyền cho bị đơn trình bày: Chị M không quen biết chị H, giấy vay tiền ngày 10/3/2021 giả mạo, việc này đã được chứng minh theo kết luận giám định của Cơ quan Công An và hồ sơ vay tiền của chị M đã ký kết với Ngân hàng O1.CNVINH ngày 11/3/2021. Việc chị H trình bày cho chị M vay tiền là không đúng sự thật nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu Tòa án đưa bà Phạm Thị Thùy T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Trưng cầu giám định đối với chữ ký và chữ viết của bà M trong giấy vay tiền ngày 10/3/2021. Đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu giấy vay tiền ngày 10/3/2021 vì đây là giao dịch giả tạo việc vay tiền trên bị đơn không tự nguyện, nguyên nhân bị đơn ký vào giấy vay tiền là do chị T có nợ tiền của chị M nên có bỏ giấy vay tiền kèm vào hồ sơ tín dụng mà chị M vay vốn ngân hàng để cho chị M ký và đề nghị Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ sau:

- Hợp đồng cho vay số: 0160/2019-HĐCV/OCEANBANK.CNVINH ngày 03/06/2019; giấy nhận nợ theo hợp đồng cho vay số 0198/2020-HĐCV/O1.CNVINH ngày 05/06/2020. Triệu tập ông Bùi Văn H1 và ông Nguyễn Thành L1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ việc bà Nguyễn Thị M đã nhận tiền giải ngân theo giấy nhận nợ số 0107/2021-GNN/OCEANBANK.CNVINH ngày 11/03/2021 hay chưa? người thụ hưởng : Hoàng Thị Thu T2, số tài khoản 00000239414 tại V1-Chi nhánh N1 theo giấy nhận nợ số 0107/2021-GNN/OCEANBANK.CNVINH ngày 11/03/2021 là ai và có mối quan hệ như thế nào với bà Nguyễn Thị M và tài liệu của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã xử lý theo đơn yêu cầu của bà M.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu giấy vay tiền ngày 10/3/2021 vì là giao dịch giả tạo hành vi vay tiền của chị Phạm Thị Thùy T đối với chị nên việc vay tiền của nguyên đơn là không tự nguyện, nguyên nhân bị đơn ký vào giấy vay tiền là do chị T có nợ tiền của bị đơn nên bỏ giấy vay tiền kèm vào hồ sơ vay vốn ngân hàng để cho bị đơn ký nên không đồng ý với ý kiến trên của bị đơn.

Người làm chứng chị Phạm Thị Thùy T trình bày:

Chị là cán bộ tín dụng Ngân hàng O1.CNVINH quản lý khách hàng trong đó có bị đơn và chính là người đã lập hồ sơ cho bị đơn vay nhiều lần, chị H là đồng nghiệp làm cùng Ngân hàng với chị. Trước đó khi đến hạn món vay của bị đơn theo Hợp đồng cho vay số: 0198/2020-HĐCV/OCEANBANK.CNVINH ngày 05/06/2020 thì bị đơn gọi điện nhờ chị giúp làm đáo hạn hợp đồng nêu trên. Tại thời điểm này chị biết được chị H có nguồn tiền nhàn rỗi nên đã nhờ

chị H đáo hạn giúp cho bị đơn, chị H đã đồng ý nên chị đã gọi điện báo cho bị đơn hẹn chiều ngày 10/3/2021 đến Ngân hàng O1.CNVINH để ký lại món vay mới, giá trị món vay là 800.000.000đ đúng với số tiền mà bị đơn còn nợ. Chiều ngày 10/3/2021 bị đơn tới Ngân Hàng lên tầng hai phòng khách hàng bán lẻ gặp chị và nguyên đơn để ký lại hồ sơ vay và Giấy vay tiền 800.000.000đ của nguyên đơn. Sau khi hoàn tất thủ tục thì nguyên đơn dẫn bị đơn xuống quầy giao dịch để nộp tiền và ký ủy nhiệm chi theo Hợp đồng tín dụng mới và Giấy nhận nợ ngày 11/3/2021 với mục đích sau khi giải ngân xong thì bị đơn phải hoàn trả lại 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) cho nguyên đơn, nhưng sáng hôm sau tức là ngày 11/3/2021 bị đơn đến Ngân hàng sớm, yêu cầu giao dịch viên tại quầy đưa “ủy nhiệm chi” để xem và lấy “ủy nhiệm chi” luôn và nói bị đơn đã hết nợ Ngân hàng không cần giải ngân nữa nên chị đã trình báo lại với lãnh đạo Ngân hàng nội dung trên; Sau đó bị đơn đã báo Công an tố cáo chị và nguyên đơn, đồng thời yêu cầu Ngân hàng phải trả lại Giấy CNQSD đất. Cho đến khi Ngân hàng đã trả lại Giấy CNQSD đất số CM996175 cho bị đơn theo quy định nhưng bị đơn vẫn không chịu trả lại cho nguyên đơn số tiền 800.000.000đ.

Tài liệu chứng cứ các đương sự nộp và Tòa án thu thập được các bên đã được nhận và tiếp cận tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ.

Với nội dung trên Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 161 – BLTTDS; các Điều 117; Khoản Điều 119; Điều 357; Điều 463; Khoản 1, Khoản 4 Điều 466, Khoản 2 Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 5; Điểm b Khoản 3 Điều 6 - Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 14/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm c tiểu mục 1.3, mục 1 phần II Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán hợp đồng vay tài sản cho chị Nguyễn Thị H với số tiền là: là 880.087.761đ (tám trăm tám mươi triệu, không trăm tám bảy nghìn, bảy trăm sáu một đồng); trong đó tiền nợ gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng); tiền lãi là 80.087.761đ (tám mươi triệu, không trăm tám bảy nghìn, bảy trăm sáu một đồng) và nghĩa vụ chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25/4/2022 đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã làm đơn kháng cáo với ba nội dung sau:

Thứ nhất: Yêu cầu cấp phúc thẩm thu thập tài liệu chứng cứ sau đây: Hồ

sơ chứng từ tất toán khoản vay theo hợp đồng cho vay số: 0160/2019-HĐCV/OCEANBANK.CNVINH ngày 03/06/2019; giấy nhận nợ theo hợp đồng cho vay số 0198/2020-HĐCV/ O1.CNVINH ngày 05/06/2020.

Thứ hai: Triệu tập ông Bùi Văn H1 và ông Nguyễn Thành L1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ việc bà Nguyễn Thị M đã nhận tiền giải ngân theo giấy nhận nợ số 0107/2021-GNN/OCEANBANK.CNVINH ngày 11/03/2021 hay chưa? người thụ hưởng : Hoàng Thị Thu T2, số tài khoản 00000239414 tại V1-Chi nhánh N1 theo giấy nhận nợ số 0107/2021-GNN/OCEANBANK.CNVINH ngày 11/03/2021 là ai? và có mối quan hệ như thế nào với bà Nguyễn Thị M?

Thứ ba: Tuyên vô hiệu giấy vay tiền ngày 10/3/2021 giữa nguyên đơn với bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những tài liệu nộp kèm theo đơn kháng cáo: Đơn trình báo 12 trang; 04 ủy nhiệm chi điều bản phô tô và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm xuất trình 01 giấy vay tiền không có ngày tháng năm 2021, có chữ ký bên vay, người làm chứng.

Sau khi tạm ngừng phiên tòa Tòa án đã lấy lời khai người làm chứng chị Trần Thị D là nhân viên kiểm ngân thuộc phòng kế toán kho quỹ của ngân hàng O1.CNVINH.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xuất trình thêm các tài liệu, chứng cứ: Đơn trình bày ngày 13/12/2022 và biên bản xác nhận sự việc của nguyên đơn.

Tại phiên tòa các đương sự tranh luận: Đại diện nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, đại diện bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

Những người tiến hành tố tụng và đương sự giai đoạn xét xử phúc thẩm đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự.

Thủ tục kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo đúng thời hạn và đã nộp đầy đủ tiền tạm ứng án phí nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng quy định.

Nội dung kháng cáo:

Đối với nội dung thứ nhất: Những tài liệu chứng cứ mà đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu đã được nguyên đơn và người làm chứng cung cấp ở giai đoạn sơ thẩm, Tòa án đã công khai các tài liệu nói trên, đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được nhận và tiếp cận tại phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và ký vào biên bản.

Đối với nội dung thứ hai: Việc đưa ông Nguyễn Thành L1 và ông Bùi

Văn H1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thấy rằng: Giao kết hợp đồng vay tiền là do nguyên đơn và bị đơn thực hiện, ông L1 và ông H1 không tham gia vào giao dịch này đồng thời đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh rằng ông L1 và ông H1 có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với nội dung thứ ba: Giấy vay tiền ngày 10/3/2021 các bên giao kết bên cho vay là nguyên đơn, bên vay là bị đơn, người làm chứng là chị Phạm Thị Thùy T, số tiền cho vay là 800.000.000đ, thời hạn trả trước ngày 11/3/2021, không thỏa thuận lãi suất. Kết luận giám định chữ ký bên vay và mẫu chữ ký do bị đơn cung cấp là một người ký, viết ra, hơn nữa bị đơn thừa nhận chữ ký dưới bên vay là bị đơn thực hiện nhưng không tự nguyện. Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc không tự nguyện ký vào giấy vay tiền nêu trên. Xét nội dung giấy vay tiền xác định được đây là hợp đồng vay có kỳ hạn khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì phải trả lãi chấp trả, lãi suất yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền gốc 800.000.000đ và lãi phát sinh 80.087.761đ là có căn cứ.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng:

[1.1] Việc kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ngày 22/4/2022 Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa tuyên án sơ thẩm đối với vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, có mặt các đương sự có quyền kháng cáo bản án. Ngày 25/4/2022 đại diện theo ủy quyền bị đơn làm và nộp đơn đơn kháng cáo, tài liệu kèm theo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí tại Tòa án cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Xét thấy: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã làm đơn kháng cáo đúng thể thức theo quy định và nộp đơn, biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn, nội dung và phạm vi ủy quyền của bị đơn đối với người đại diện có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn, nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án để giải quyết theo trình tự phúc thẩm quy định tại điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng những người đại diện theo ủy quyền cho họ đều có mặt và đề nghị không cần triệu tập thêm người làm chứng hơn nữa họ đã có lời khai tại hồ sơ nên Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì phiên tòa xét xử vụ án.

[1.2] Xác định tư cách tham gia tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án của cấp sơ thẩm:

Đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giá trị hợp đồng số tiền gốc 800.000.000đ, bị đơn cư trú tại phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án là chính xác.

[1.3] Trình tự thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện: Những trình tự thủ tục cấp sơ thẩm đã thực hiện đều tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, tuy nhiên trước và tại phiên họp kiểm tra giao nộp và tiếp cận công khai chứng cứ, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của họ đưa ra yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên giấy vay tiền ngày 10/3/2021 mà nguyên đơn bị đơn giao kết là vô hiệu đây là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn cấp sơ thẩm không hướng dẫn họ làm đơn yêu cầu, nộp tạm ứng án phí để thụ lý giải quyết trong cùng vụ án. Trước khi bắt đầu phần tranh tụng Hội đồng xét xử không hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án hay không là vi phạm thủ tục tố tụng quy định tại các Điều 200 và Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng việc vi phạm này không làm thay đổi bản chất và nội dung vụ án do đó cần rút kinh nghiệm.

[1.4] Việc giao nộp và thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm: Các tài liệu chứng cứ của vụ án đã được các đương sự xuất trình và Tòa án cấp sơ thẩm thu thập đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được sử dụng để đánh giá chứng cứ nhằm giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Thứ nhất: Hồ sơ chứng từ tất toán khoản vay theo hợp đồng cho vay số: 0160/2019-HĐCV/OCEANBANK.CNVINH ngày 03/06/2019; giấy nhận nợ theo hợp đồng cho vay số 0198/2020-HĐCV/ O1.CNVINH ngày 05/06/2020. Những hợp đồng tín dụng nêu trên được nguyên đơn giao nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm đã công khai, đại diện theo ủy quyền của bị đơn được nhận và tiếp cận tại phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và ký vào biên bản. Hơn nữa các chủ thể tham gia giao kết hai hợp đồng tín dụng nêu trên là giữa bị đơn và O1.CNVINH việc thực hiện hợp đồng ra sao, đã tất toán hay chưa không có mối quan hệ nhân quả hay giá trị chứng minh đối phạm vi, nội dung khởi kiện của nguyên đơn tại Giấy cho vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập ngày 10/3/2022.

Thứ hai: Đưa các ông Nguyễn Thành L1, Bùi Văn H1 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Xét thấy ông L1 là đại diện hợp pháp cho O1.CNVINH, ông H1 là người phụ trách phòng khách hàng các ông đã giao kết với bị đơn tại giấy nhận nợ 0107/2021-GNN/OCEANBANK.CNVINH ngày 11/03/2021 và đây là một giao dịch dân

sự độc lập với việc tranh chấp khoản tiền vay giữa nguyên đơn và bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Bà Hoàng Thị Thu T2 là bên nhận thụ hưởng trong giấy nhận nợ nói trên là ai đã nhận tiền giải ngân chưa thì chỉ bị đơn mới biết người này, bởi lẽ khi bị đơn ký xác lập giấy nhận nợ số tiền lớn phải đọc và buộc phải biết người thụ hưởng khoản vay do mình đứng tên đã được giải ngân hay chưa, ai là người thụ hưởng và đây là giao dịch giữa bị đơn với chị Hoàng Thị Thu T2.

Thứ ba: Tuyên vô hiệu giấy vay tiền ngày 10/3/2021 giữa nguyên đơn với bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 10/03/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn chị Nguyễn Thị M xác lập Giấy cho vay tiền theo đó bên A là chị Nguyễn Thị H, bên B là chị Nguyễn Thị M. Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền 800.000.000 VND (Số tiền bằng chữ: Tám trăm triệu đồng); Hình thức bảo đảm: Bìa đất thế chấp tại O1. Thời điểm thanh toán toàn bộ tiền gốc trước ngày 11/03/2021; Phương thức thanh toán: Tiền mặt; Bên C (Bên làm chứng) Phạm Thị Thùy T. Các bên tham gia giao kết không thỏa thuận lãi suất.

Đến hạn trả nợ (trước ngày 11/3/2021) bên vay không trả nên nguyên đơn làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền đã vay nói trên.

Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị M dưới mục BÊN B trên giấy CHO VAY TIỀN ngày 10/03/2021 với các mẫu so sánh do bị đơn chị Nguyễn Thị M ký và viết ra theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, kết quả: Chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị M dưới mục BÊN B trên giấy CHO VAY TIỀN và bảy mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra. Hơn nữa trong quá trình giải quyết đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận chị Nguyễn Thị M có ký và viết vào Giấy vay tiền nhưng không tự nguyện vì chị Phạm Thị Thùy T chèn Giấy vay tiền vào hồ sơ vay vốn để bị đơn ký.

Bị đơn chị Nguyễn Thị M là người không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Bị đơn đã thừa nhận có ký vào tờ giấy có bên A, bên B, bên C nhưng không xem xét đến nội dung là điều không thể có vì bị đơn đã làm thủ tục, ký các giấy tờ của bộ hồ sơ vay vốn tại O1.CNVINH nhiều lần, như những lần vay trước ngày 10/03/2021 bị đơn vẫn ký bộ hồ sơ vay vốn nhưng không phát hiện các tài liệu bên trong bị chèn vào một giấy vay tiền để bị đơn ký là không có cơ sở. Bởi vậy lời nại của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng không có sự giao nhận tiền giữa người cho vay (nguyên đơn chị H) và người vay (bị đơn chị M) thấy

rằng: Nguyên đơn trình bày ngày 10/03/2021 đã rút tiền trong tài khoản của cá nhân 750.000.000đ và thêm 50.000.000đ tiền mặt là đủ 800.000.000đ để nộp tiền vào O1.CNVINH cho khách hàng Nguyễn Thị M, điều này phù hợp với lịch sử rút tiền của chị H (Phiếu rút tiền mặt lúc 15h43' ngày 10/03/2021) và phiếu nộp tiền mặt mang tên Nguyễn Thị M vào lúc 15h49' ngày 10/03/2021 và phù hợp với lời khai người làm chứng Trần Thị D nhân viên kiểm ngân thuộc phòng kế toán kho quỹ O1.CNVINH là người tiếp nhận và xử lý khoản 750.000.000đ rút từ tài khoản cá nhân chị H và 50.000.000đ tiền mặt chị H đưa để nộp cho khách hàng Nguyễn Thị M. Hơn nữa, tài liệu kèm theo đơn kháng cáo chị M thừa nhận sau khi ký hồ sơ hợp đồng tín dụng để đáo hạn khoản vay 800.000.000đ vào ngày 10/3/2021 trên đường về khoảng 4h30 chiều chị nhận được tin nhắn của ngân hàng báo đã thu nợ gốc với số tiền 800.000.000đ, ngày 11/3/2021 chị được nhận lại "bìa" theo chỉ đạo của giám đốc O1.CNVINH. Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn tuy không trực tiếp giao nhận tiền mặt bằng việc kiểm đếm nhưng nguyên đơn dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình thông qua Giấy cho vay tiền mà nguyên đơn và bị đơn giao kết ngày 10/03/2021 để thực hiện nghĩa vụ cho bị đơn tại O1.CNVINH, bởi vậy Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 800.000.000đ là có căn cứ.

[3] Đối với số tiền lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất chậm trả của số tiền 800.000.000 đồng tính từ ngày 12/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/4/2022 với lãi suất 9%/ năm với số tiền lãi là 80.087.761 đồng.

Xét thấy Nguyên đơn khởi kiện bổ sung trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra, công khai, tiếp cận chứng cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết là đúng luật định. Nội dung giấy vay tiền ngày 10/3/2021 các bên có thỏa thuận về thời hạn trả nợ trước ngày 11/3/2021, nhưng không thỏa thuận lãi suất cho vay cũng như lãi suất về vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, việc thỏa thuận vay tiền trên được xem là hợp đồng vay có kỳ hạn, khi hết thời hạn vay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 14/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả 80.087.761đ lãi suất chậm trả là đúng quy định của pháp luật.

Từ những đánh giá, phân tích trên đây Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận những nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

[4] Chi phí tố tụng không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Án phí: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng số tiền và người phải thực hiện nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nội dung kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117; Khoản 1 Điều 119; Điều 357; Điều 463; Khoản 1, Khoản 4 Điều 466; Khoản 2 Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 5; Điểm b, c Khoản 3 Điều 6 - Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; Khoản 2 Điều 26; điểm c tiểu mục 1.3, mục 1 phần II Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H tổng số tiền: 880.087.761đ (*Tám trăm tám mươi triệu, không trăm tám bảy nghìn, bảy trăm sáu một đồng*); Trong đó tiền nợ gốc là 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*); tiền lãi là 80.087.761đ (*T3 mươi triệu, không trăm tám bảy nghìn, bảy trăm sáu một đồng*).

2. Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị M phải chịu 38.402.630đ (*Ba tám triệu, bốn trăm linh hai nghìn, sáu trăm ba mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Chị Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) có tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0001296 ngày 19/3/2021.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành

án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Tòa án nhân dân thị xã Thái H;
- VKSND thị xã Thái H;
- Các đương sự;
- Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự
- Chi cục THADS thị xã Thái H;
- Lưu: Tòa dân sự; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Lam

